

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số:<sup>A</sup> 39/2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 12 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ do Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa quản lý**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5684 /TTr-STC ngày 29 tháng 12 năm 2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ do Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa quản lý.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng sử dụng dịch vụ:



a) Các tổ chức, cá nhân sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ.

2. Đơn vị cung ứng dịch vụ: Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa.

### **Điều 3. Mức giá dịch vụ**

1. Mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như sau:

| STT | Đối tượng thu                               | Đơn vị tính          | Mức giá dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) |
|-----|---|----------------------|--|
| 1   | <b>Đối với tàu cá cập cảng</b>              |                      |  |
| 1.1 | Tàu có công suất dưới 20CV                  | Đồng/lần vào ra cảng | 8.000 - 10.000                         |
| 1.2 | Tàu có công suất từ 20CV đến 50CV           | Đồng/lần vào ra cảng | 15.000 - 20.000                        |
| 1.3 | Tàu có công suất trên 50CV đến 90CV         | Đồng/lần vào ra cảng | 30.000 - 40.000                        |
| 1.4 | Tàu có công suất trên 90 CV đến 200CV       | Đồng/lần vào ra cảng | 50.000 - 60.000                        |
| 1.5 | Tàu có công suất trên 200CV                 | Đồng/lần vào ra cảng | 80.000 - 100.000                       |
| 2   | <b>Đối với tàu cá neo đậu tránh trú bão</b> |                      | <i>không thu</i>                       |
| 3   | <b>Đối với tàu vận tải cập cảng</b>         |                      |  |
| 3.1 | Tàu có trọng tải dưới 5 tấn                 | Đồng/lần vào ra cảng | 15.000 - 20.000                        |
| 3.2 | Tàu có trọng tải từ 5 đến 10 tấn            | Đồng/lần vào ra cảng | 30.000 - 40.000                        |
| 3.3 | Tàu có trọng tải trên 10 đến 100 tấn        | Đồng/lần vào ra cảng | 80.000 - 100.000                       |
| 3.4 | Tàu có trọng tải trên 100 tấn               | Đồng/lần vào ra cảng | 130.000 - 160.000                      |
| 4   | <b>Đối với phương tiện vận tải</b>          |                      |  |
| 4.1 | Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng            | Đồng/lần vào ra cảng | 2.000 - 3.000                          |

| STT      | Đối tượng thu   | Đơn vị tính                | Mức giá dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) |
|----------|---|----------------------------|--|
| 4.2      | Xe máy, xích lô, ba gác thu theo tháng  | Đồng/tháng                 | 60.000 - 90.000                        |
| 4.3      | Xe có trọng tải dưới 1 tấn  | Đồng/lần vào ra cảng       | 8.000 - 10.000                         |
| 4.4      | Xe có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn  | Đồng/lần vào ra cảng       | 15.000 - 20.000                        |
| 4.5      | Xe có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn  | Đồng/lần vào ra cảng       | 25.000 - 30.000                        |
| 4.6      | Xe có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn   | Đồng/lần vào ra cảng       | 30.000 - 40.000                        |
| 4.7      | Xe có trọng tải trên 10 tấn   | Đồng/lần vào ra cảng       | 40.000 - 50.000                        |
| <b>5</b> | <b>Hàng hóa qua cảng</b>  |                            |  |
| 5.1      | Hàng thủy sản, động vật tươi sống   | đồng/tấn                   | 15.000 - 20.000                        |
| 5.2      | Các loại hàng hóa khác  | đồng/tấn                   | 6.000 - 8.000                          |
| 5.3      | Hàng hóa là Container   | đồng/<br>container         | 55.000 - 70.000                        |
| <b>6</b> | <b>Dịch vụ sử dụng mặt bằng tại cảng (tùy từng vị trí, lợi thế của từng cảng, khuyến khích sử dụng mặt bằng có mái che)</b> |                            |  |
| 6.1      | Mặt bằng có mái che   |                            |  |
| -        | Thời gian sử dụng 01 tháng  | Đồng/m <sup>2</sup> /tháng | 24.000 - 50.000                        |
| -        | Thời gian sử dụng 01 ngày   | Đồng/m <sup>2</sup> /ngày  | 4.000 - 5.000                          |
| 6.2      | Mặt bằng không có mái che   |                            |  |
| -        | Thời gian sử dụng 01 tháng  | Đồng/m <sup>2</sup> /tháng | 40.000 - 45.000                        |
| -        | Thời gian sử dụng 01 ngày   | Đồng/m <sup>2</sup> /ngày  | 3.000 - 4.000                          |
| 6.3      | Khu ki ốt mặt tiền cảng   | Đồng/m <sup>2</sup> /tháng | 73.000 - 120.000                       |

2. Mức giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ do Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa

quản lý như sau:

- a) Nhà chợ lô tầng trệt thu theo tháng: 99.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.
- b) Nhà chợ lô tầng trệt thu theo ngày: 5.000 đồng/m<sup>2</sup>/ngày.
- c) Nhà chợ lô tầng lầu: 70.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

3. Mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa triển khai xây dựng Phương án giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ khi có biến động về giá, báo cáo bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

##### **2. Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa**

- Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế để quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng cảng cá nhưng không được vượt khung giá quy định tại Điều 3 Quyết định này.

- Thực hiện niêm yết giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; niêm yết giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ và thu theo giá niêm yết.

- Tổ chức tuyên truyền, thông báo công khai để các tổ chức, cá nhân liên quan biết, thực hiện.

- Sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật.

##### **3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh mức giá dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ do Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa quản lý theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa đối với dịch vụ sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thủy sản Nam Trung Bộ theo quy định.

#### 4. Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa

Hướng dẫn cụ thể về hóa đơn, chứng từ và trích nộp thuế theo quy định.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

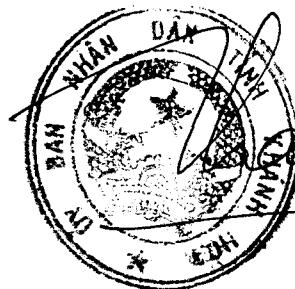
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Quản lý khai thác các công trình thủy sản Khánh Hòa; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### *Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- UBTƯ Quốc hội, VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo KH;
- Trung tâm thông tin điện tử tổng hợp KH;
- Đài Phát thanh-Truyền hình KH;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, HĐ, HLe.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Sơn Hải

